TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1225/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05-11-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Thanh Thà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Bé;

2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Không có

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1001/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 221/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 172/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành D, sinh năm 1979; (có mặt)
Địa chỉ: Số 347/63 đường L, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Bị đơn: Bà Chanh Trúc V, sinh năm 1983; (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ H, Ấp H, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 18/7/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Thành D trình bày:

Ông với bà Chanh Trúc V tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân năm 2009, đã được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 06/01/2009. Qua thời gian chung sống, cuộc sống vợ chồng ông xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng và không còn hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm thường xuyên cãi vã làm cho gia đình không hạnh phúc. Ông nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn được.

Hiện nay, vợ chồng ông không còn tình cảm với nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, ông và bà V đã ly thân nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Chanh Trúc V.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Khánh L, sinh ngày 20/10/2008 và Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 10/02/2011. Hiện nay con chung tên Nguyễn Khánh L, sinh ngày 20/10/2008 đang sống chung với bà V nên ông đồng ý giao cho bà V

tiếp tục nuôi dưỡng, con chung Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 10/02/2011 đang sống với ông D nên ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng. Ông không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Thành D xác định không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông Nguyễn Thành D xác định không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Trích lục kết hôn (bản sao), 02 giấy khai sinh (bản sao), chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (bản sao).

Bà Chanh Trúc V đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nội, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà V.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn ông Nguyễn Thành D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà Chanh Trúc V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã H, huyện Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Bị đơn bà Chanh Trúc V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà V.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thành D và bà Chanh Trúc V tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 06/01/2009 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của ông Nguyễn Thành D xin ly hôn với bà Chanh Trúc V là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của ông D thì mâu thuẫn giữa ông và bà V là trầm trọng và không thể hàn gắn. Cuộc sống vợ chồng của ông bà không hạnh phúc. Hơn nữa, ông D và bà V đã sống ly thân. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án bà V không đến Tòa án theo giấy triệu tập, điều này chứng tỏ bà V không có thiện chí để đoàn tụ gia đình.

Bà Chanh Trúc V đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ án. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà V căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp và chứng cứ mà Tòa thu thập được theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa ông D và bà V không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai người không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Khánh L, sinh ngày 20/10/2008 và Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 10/02/2011.

Hiện nay, trẻ Nguyễn Khánh L, sinh ngày 20/10/2008 đang sống chung với bà Chanh Trúc V nên Hội đồng xét xử giao trẻ L cho bà V tiếp tục nuôi dưỡng.

Đối với trẻ Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 10/02/2011 đang sống chung với ông Nguyễn Thành D nên Hội đồng xét xử giao trẻ S cho ông D tiếp tục nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc ông D không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp bà Chanh Trúc V có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự thì yêu cầu bằng một vụ án khác.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội cần buộc ông Nguyễn Thành D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Thành D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thành D được ly hôn với bà Chanh Trúc V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 06/01/2009 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Thành D và bà Chanh Trúc V không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Khánh L, sinh ngày 20/10/2008 và Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 10/02/2011.

Giao con chung tên Nguyễn Khánh L, sinh ngày 20/10/2008 cho bà Chanh Trúc V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao con chung tên Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 10/02/2011 cho ông Nguyễn Thành D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận việc ông D không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi, do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Ông D và bà V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Ông D xác định không có nên không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Ông D xác định không có nên không xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) buộc ông Nguyễn Thành D phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0022450 ngày 23/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Châu Thị Thanh Thà